TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2023/DS-ST
Ngày 30-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng
Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 241/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh C
2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Hoa L, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đỗ Thị H trình bày: Từ năm 2018 đến năm 2019 bà có bán phân thuốc nông nghiệp cho bà Nguyễn Hoa L ở ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C theo thỏa thuận cuối mùa vụ trả tiền mua phân thuốc, có nhiều toa đến cuối năm 2019 bà L còn thiếu lại bà 18.398.000 đồng (có sổ theo dõi). Nay bà yêu cầu bà L trả số tiền thiếu 18.398.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật từ tháng 01 năm 2020 dương lịch đến nay khi khởi kiện 15/02/2023 là 36 tháng bằng 11.016.000 đồng. Tổng tiền vốn thiếu và lãi là 29.414.000 đồng.

Bà Nguyễn Hoa L trình bày: Bà thừa nhận có mua phân thuốc nông nghiệp của bà Đỗ Thị H từ năm 2018, 2019 và thiếu số tiền 18.398.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền này nhưng hiện tại khó khăn bà không có tiền trả.

Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu trả lãi 20%/năm đối với số tiền thiếu là 11.016.000 đồng bà không đồng ý.

Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà L trả cho bà số tiền vốn 18.398.000 đồng và lãi thiếu của số tiền 18.398.000 đồng từ ngày 01/01/2020 dương lịch đến ngày 15/02/2023 dương lịch tính tròn là 36 tháng, lãi suất 10%/năm bằng số tiền 5.519.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 23.917.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền vốn 18.398.000 đồng và lãi 5.519.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Đỗ thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hoa L trả tiền mua hàng hóa, bà L có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán theo Điều 430 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Hoa L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bà L là đúng quy định theo điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung: Từ năm 2018 đến năm 2019 bà H có bán phân thuốc nông nghiệp cho bà Nguyễn Hoa L đến cuối năm 2019 bà L còn thiếu lại bà H 18.398.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà L trả số tiền thiếu 18.398.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2020 đến ngày khởi kiện 15/02/2023 là 36 tháng bằng 5.519.000 đồng. Tổng tiền vốn thiếu và lãi là 23.917.000 đồng. Bị đơn bà L thừa nhận có thiếu tiền mua phân thuốc nông nghiệp như bà H trình bày là đúng và đồng ý trả số tiền thiếu, không đồng ý tính lãi theo yêu cầu của bà H.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng bà H cho rằng bà L còn thiếu bà tiền mua phân thuốc Nông nghiệp số tiền 18.398.000 đồng được bà L thừa nhận, đây là tình tiết sự

kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoảng 3 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu tính lãi thấy rằng do bị đơn thiếu tiền nguyên đơn không thanh toán theo đúng hạn như hại bên đã thỏa thuận nên bị đơn phải trả lãi trên số tiền 18.398.000 đồng cụ thể từ ngày 01/01/2020 dương lịch đến ngày 15/02/2023 dương lịch (nguyên đơn tính tròn 36 tháng) bằng 18.398.000 đồng x 10%/năm x 36 tháng = 5.519.000 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Như vậy tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 18.398.000 đồng + 5.519.000 đồng = 23.917.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn số tiền 23.917.000 đồng đồng là đúng quy định.

Phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ được chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí là 1.195.000 đồng (làm tròn). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số tiền 735.000 đồng theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Tươi không phải chịu được nhận lại tiền tạm ứng án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 430, 440 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với bà Nguyễn Hoa L. Buộc bà Nguyễn Hoa L trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 23.917.000 đồng *(Hai mươi ba triệu, chín trăm mười bảy ngàn đồng).*

Kể từ ngày bà Đỗ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Hoa L chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 1.195.000 đồng (làm tròn, chưa nộp); Bà Đỗ Thị H không phải chịu, ngày 12/4/2023 bà H đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 735.000 đồng biên lai thu số 0006550 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đối trừ được nhận lại.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len

-